

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 718/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Sao

Ông Nguyễn Văn Tiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 855/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà M, sinh năm 1982; Đường M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà M trình bày: Bà và ông T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam năm 2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã về cách sống, cách chi tiêu trong gia đình. Trong quá trình chung sống, bà cho rằng ông T thiếu trách nhiệm đối với gia đình, hay uống rượu và la mắng vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ, tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả nên bà đã sống ly thân với ông T từ cuối năm 2013 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với

ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là T, sinh ngày xx/10/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Hiện nay, bà có T nhập khoảng 8.000.000 đồng một tháng từ việc làm công nhân may cho Công ty V nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung hay nợ chung. Do đó, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông T được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong buổi lần việc ngày 02/5/2018, trẻ T có nguyện vọng được ở với mẹ.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được vì ông T đã được Tòa án thông báo, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ hai lần liên tiếp mà vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2018, bà M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với ông T; theo kết quả xác minh của Công an phường Y, quận Tân Phú tại Phiếu xác minh ngày 05/10/2017 thì ông T đang cư trú tại quận Tân Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 97, Quyển số I/2007 đăng ký ngày 12/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn: Căn cứ vào lời khai của bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn đã lâu nhưng không thể hàn gắn được; giữa hai người có sự khác nhau về quan điểm sống dẫn đến việc không thể trao đổi, chia sẻ khó khăn, buồn vui trong cuộc sống và không tìm thấy có tiếng nói chung trong gia đình. Mặt khác, ông bà sống ly thân từ năm 2013, giữa hai người đã không còn đời sống chung của vợ chồng và mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Bị đơn là ông T vắng mặt khi được triệu tập làm việc, hòa giải tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy ông T thể hiện thái độ bỏ mặc kết quả giải quyết của Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những lý do vừa nêu, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà M và ông T đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà M xác định vợ chồng có một con chung là T, sinh ngày xx/10/2007. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và ông T không có ý kiến đối với yêu cầu này; bà M có T thập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con chung của bà M. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

[6] Về tài sản: Bà M xác định vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do nguyên đơn là bà M chịu.

[8] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227 và Điều 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông T.

2. Về con chung: Bà M và ông T có một con chung là T, sinh ngày xx/10/2007. Giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà M xác định là không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà M chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T số 0009756 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà M, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- UBND X. P, H.Q, T.Quảng Nam;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thế Đông

-